TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1157/2023/QĐST-DS
Ngày: 28-6-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN B THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngoan - Thư ký Toà án nhân dân quận **B**, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận **B** tham gia phiên toà:*

Bà Hà Thị Thúy Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận **B**, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 2577/2022/TLST-DS ngày 22/12/2022 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2023/QĐXXST-DS ngày 17/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2023/QĐST-DS ngày 07/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

Trụ sở: số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Thắng (Giấy ủy quyền số 1327/2023/UQ-TGĐ ngày 08/5/2023) (có mặt)

*Bị đơn : Ông **Tần Q**, sinh năm 1979 (vắng mặt)*

*Địa chỉ:Phường 26, quận **B**, Thành phố Hồ Chí Minh.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2022, tại bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ký kết hợp đồng:

Ngày 20/3/2013, ông **Tần Q** và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín). Căn cứ vào thu nhập của ông **Q**, Ngân hàng đã đồng ý cấp 02 thẻ tín dụng (01 thẻ VS payWave Cre Platinum 436438-0126 và 01 thẻ Family Local Credit 970403-4314) cho ông **Q** sử dụng với hạn mức sử dụng chung cho 02 thẻ là 500.000.000đ mục đích tiêu dùng cá nhân.

Thực hiện hợp đồng:

Sau khi được cấp 02 thẻ tín dụng ông **Q** đã thực hiện các giao dịch với số tiền ghi nợ tổng cộng của cả 02 thẻ tín dụng là 568.401.364đồng (trong đó thẻ VS payWave Cre Platinum 436438-0126 là 325.901.364đồng và thẻ Family Local Credit 970403-4314 là 242.500.000đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ ông **Q** thường xuyên thanh toán không đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng nên ông **Q** phải thanh toán các khoản phí trễ hạn, lãi, phí vượt hạn mức và phí cho Ngân hàng. Từ khi kích hoạt 02 thẻ tín dụng nêu trên để sử dụng đến nay, ông **Q** đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 937.650.468đồng (trong đó bao gồm: thẻ VS payWave Cre Platinum 436438-0126 đã thanh toán số tiền 454.929.000 và thẻ Family Local Credit 970403-4314 đã thanh toán số tiền 482.721.468đồng).

Do ông **Q** vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 23/6/2016 và ngày 26/6/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng cả 02 thẻ tín dụng của ông **Q**, chuyển toàn bộ dư nợ của 02 thẻ tín dụng sang nợ quá hạn. Sau khi Ngân hàng chuyển nợ quá hạn, ông **Q** có thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc của cả 02 thẻ tín dụng, còn tiền lãi quá hạn ông **Q** vẫn chưa thanh toán. Từ đến tháng 10/2019 đến nay, ông **Q** ngưng không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào khác cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện nhưng ông **Q** vẫn không có thiện chí trả nợ. Tính đến ngày 25/10/2018, ông **Q** còn nợ Ngân hàng số tiền lãi quá hạn tổng cộng 185.769.302đồng (trong đó bao gồm VS payWave Cre Platinum 436438-0126 còn nợ số tiền lãi quá hạn 129.620.519đồng và thẻ Family Local Credit 970403-4314 còn nợ tiền lãi quá hạn là 56.148.783đồng).

Yêu cầu đòi nợ:

Nay Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc phía bị đơn phải thanh toán toàn bộ nợ lãi quá hạn phát sinh từ việc sử dụng 02 thẻ tín dụng số VS payWave Cre Platinum 436438-0126 và số Family Local Credit 970403-4314 cho Ngân hàng số tiền tổng cộng 185.769.302đồng.

Bị đơn – ông Tần Q: Sau khi thụ lý hồ sơ, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tống đạt theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng ông **Q** vẫn không có mặt tham gia tố tụng, cũng không có ý kiến gì phản hồi thông báo thụ lý vụ án của Tòa án.

Cụ thể: Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 13/4/2023 và lúc 08 giờ 00 phút ngày 10/5/2023 cho ông **Q**, do ông **Q** vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn – ông **Tần Q** thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ lãi quá hạn tổng cộng là 185.769.302đồng.

Thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán: Thanh toán dứt điểm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Phần tranh luận: Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng không có ý kiến phát biểu tranh luận.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận **B** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, xác định vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, việc gửi, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại các Điều 209, 210 và 211 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của tại điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử gồm những thành viên như đã công bố trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:*

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, có cơ sở xác nhận nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có cấp cho bị đơn ông **Tần Q**

sử dụng 02 thẻ tín dụng (01 thẻ VS payWave Cre Platinum 436438-0126 và 01 thẻ Family Local Credit 970403-4314) với hạn mức sử dụng chung cho 02 thẻ là 500.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ các Tóm tắt sao kê của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, có cơ sở xác định sau khi được cấp thẻ, ông **Q** đã giao dịch với số tiền ghi nợ là 568.401.364 đồng (thẻ VS payWave Cre Platinum 436438-0126 là 325.901.364 đồng và thẻ Family Local Credit 970403-4314 là 242.500.000 đồng), ông **Q** đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 937.650.468 đồng (thẻ VS payWave Cre Platinum 436438-0126 là 454.929.000 đồng và thẻ Family Local Credit 970403-4314 là 482.721.468 đồng).

Việc ông **Q** sử dụng thẻ tín dụng, nhưng lại vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn ông **Tần Q** phải thanh toán một lần số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 25/10/2022 tổng cộng là 185.769.302 đồng (trong đó gồm thẻ VS payWave Cre Platinum 436438-0126 là 129.620.519 đồng và thẻ Family Local Credit 970403-4314 là 56.148.783 đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Bởi các lẽ trên, đề nghị HĐXX:

Căn cứ theo quy định tại Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, buộc bị đơn ông **Tần Q** thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi quá hạn tổng cộng là 185.769.302 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải đóng án phí theo quy định, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của đương sự; nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận **B**, thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và ông **Tần Q** là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản của Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn – ông **Tần Q** khai địa chỉ cư trú vào thời điểm ký hợp đồng với nguyên đơn tại Phường 26, quận **B**. Theo kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường 26, quận **B**, Thành phố Hồ Chí Minh phúc đáp Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 473/2023/QĐ-CCTLCC ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân quận **B** đã xác minh "ông **Tần Q**, sinh năm 1979 có hộ khẩu thường trú tại

Phường 26, quận **B**. Thực tế đang cư ngụ tại địa phương". Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận **B**.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần 1 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 07/6/2023 và lần 2 lúc 08 giờ 00 phút ngày 28/6/2023 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn :

*- Nguyên đơn yêu cầu ông **Tần Q** thanh toán tiền lãi quá hạn của 02 thẻ tín dụng tính đến ngày 25/10/2018 tổng cộng là 185.769.302đồng (trong đó bao gồm thẻ tín dụng số VS payWave Cre Platinum 436438-0126 còn nợ số tiền lãi quá hạn 129.620.519đồng và thẻ tín dụng số Family Local Credit 970403-4314 còn nợ tiền lãi quá hạn là 56.148.783đồng), Hội đồng xét xử nhận định:*

Trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín) ngày 20/3/2013, các bên đã thống nhất thỏa thuận mức lãi suất được áp dụng theo biểu lãi suất thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, nên việc ông **Q** không thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi theo đúng thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Xét về thời gian tính lãi, mức lãi suất, phí trễ hạn và phí mà ngân hàng đã áp dụng là hoàn toàn phù hợp thỏa thuận của các bên đương sự được quy định tại các Điều 2, Điều 18, Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, đồng thời cũng phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó, yêu cầu về thanh toán tiền lãi quá hạn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

Trong khi đó, bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình toà án tiến hành điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên toà hôm nay, mặc dù toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho phía bị đơn. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền tranh tụng tại toà để bảo vệ quyền lợi cho mình. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét cho quyền lợi của bị đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi quá hạn của cả 02 thẻ tín dụng tính đến ngày 25/10/2018 tổng cộng là 185.769.302đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm lẻ hai đồng), trong đó bao gồm thẻ tín dụng số VS payWave Cre Platinum 436438-0126 còn nợ số tiền lãi quá hạn là 129.620.519đồng và thẻ tín dụng số Family Local Credit 970403-4314 còn nợ tiền lãi quá hạn là 56.148.783đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận **B**.

[4].Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005;

Áp dụng Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Luật án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Buộc bị đơn – ông **Tần Q** phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 25/10/2018, phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 20/3/2013, tổng cộng là 185.769.302đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm lẻ hai đồng), trong đó bao gồm thẻ tín dụng số VS payWave Cre Platinum 436438-0126 còn nợ số tiền lãi quá hạn là 129.620.519đồng và thẻ tín dụng số Family Local Credit 970403-4314 còn nợ tiền lãi quá hạn là 56.148.783đồng.

Thời hạn thi hành: Thanh toán dứt điểm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Các bên đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: *Á*n phí dân sự sơ thẩm là 9.288.465đồng (Chín triệu hai trăm tám mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi lăm đồng) ông **Tần Q** có nghĩa vụ phải nộp toàn bộ.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 4.644.000đồng (Bốn Triệu sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, theo biên lai thu số 0019082 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận **B**.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông **Tần Q** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND TP. HCM;
-VKSND quận **B**;
-THADS quận **B**;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Nguyệt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Nguyệt